

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: Chủ đầu tư là: Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV Địa chỉ: Tổ 48, Khu 4B2, Phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh Mã số thuế: 5700100256-033 Tài khoản: 119 0000 10610 Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả - Quảng Ninh Điện thoại: 0203 3865 054 Fax: 0203 3865 656</p>
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình: Gói thầu số 5 - Cung cấp lắp đặt Hệ thống trạm điện nhà máy Px Tuyển than 2 Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm điện nhà máy Px Tuyển than 2</p>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm công trường tại: Phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 240 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu đến ngày nhà thầu bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần; không bao gồm thời gian nghỉ Lễ, Tết theo quy định của Luật lao động.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ công trình là: 240 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu đến ngày nhà thầu bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần; không bao gồm thời gian nghỉ Lễ, Tết theo quy định của Luật lao động.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .
E-ĐKC 1.29	<p>- Quản lý dự án: <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email]</i>; - Tư vấn Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị: <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email]</i>;</p>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Theo bảng tiến độ chi tiết trong E-HSĐT
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Báo cáo đánh giá E-HSĐT; 2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 3. Các tài liệu có liên quan.</p>
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá trị hợp đồng

	<p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực hoặc trong các trường hợp sau: Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu vẫn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: : _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Nhà thầu được ký kết với hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ để thực hiện một phần nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật liên quan.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng ngày, kể từ ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng
E-ĐKC 21	Thông tin về công trường là: mặt bằng trực tiếp đặt công trình và mặt bằng tập kết vật tư, kho bãi, lán trại tạm... được giao cho nhà thầu quản lý

E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày Chủ đầu tư chính thức bàn giao mặt bằng công trình.
E-ĐKC 27.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại toà án có thẩm quyền xét xử theo quy định của pháp luật, chi phí do bên thua chịu
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: _____ <i>[ghi ngày dự định khởi công]</i> . - Ngày hoàn thành dự kiến: 240 ngày , kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu đến ngày nhà thầu bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần; không bao gồm thời gian nghỉ Lễ, Tết theo quy định của Luật lao động.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: theo tiến độ thực hiện từng phần việc, hạng mục và yêu cầu của Chủ đầu tư - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 0 đồng.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Bất khả kháng theo quy định của nhà nước; Các trường hợp kéo dài tiến độ khác không do lỗi của nhà thầu.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: - Toàn bộ các vật tư, thiết bị chính đưa vào sử dụng cho công trình phải cung cấp kèm theo các giấy tờ chứng minh chất lượng như: CO, CQ, giấy xuất xưởng, xuất kho, kết quả thí nghiệm (nếu có), giấy kiểm định (nếu có), phiếu bán hàng hoặc các tài liệu liên quan khác (nếu có). - Máy móc sử dụng cho công trình phải được cung cấp: giấy đăng ký và kết quả kiểm định (nếu có). Tài liệu chứng minh chất lượng cho từng loại vật tư, thiết bị sẽ được chi tiết trong buổi thương thảo hoàn thiện Hợp đồng
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: đồng (đã bao gồm Thuế GTGT 10% và 03% dự phòng cho khối lượng phát sinh). (Bằng chữ:).
E-ĐKC 42.1	+ Sau khi nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng, bảo đảm tiền tạm ứng (bằng giá trị tiền tạm ứng) và văn bản đề nghị tạm ứng, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu số tiền là 20% giá Hợp đồng (không bao gồm giá trị dự phòng cho khối lượng phát sinh); + Chứng từ đề tạm ứng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng (01 bản gốc và 03 bản sao chứng thực hoặc bản sao của Ngân hàng phát hành); Bảo lãnh tiền tạm ứng (01 bản gốc và 03 bản sao chứng thực hoặc bản sao của Ngân hàng phát hành); Đề nghị tạm ứng; Biên bản bàn giao mặt bằng; Kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng của Nhà thầu.

	<p>+ Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (Với hình thức bảo lãnh đồng ý vô điều kiện, không huỷ ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu) và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Tiền tạm ứng sẽ được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ % khối lượng công việc hoàn thành qua mỗi lần thanh toán. Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi hết 100% khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng đã ký kết. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>+ Phương thức tạm ứng: Chuyển khoản.</p>
E-ĐKC 44.1	<p>Phương thức thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện 2 lần:</p> <p>- Lần 1: Khi giá trị hoàn thành $\geq 50\%$ giá trị hợp đồng. Giá trị thanh toán bằng 90% giá trị hoàn thành trừ đi giá trị tạm ứng tương ứng với khối lượng hoàn thành theo hợp đồng. Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10%</p> <p>Hồ sơ thanh toán lần 1 bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn; + Bảng thanh toán giai đoạn được Chủ đầu tư chấp thuận; + Hoá đơn GTGT do Nhà thầu phát hành tương ứng giá trị hoàn thành; + Đề nghị thanh toán của bên Nhà thầu. + Biên bản giao hồ sơ chất lượng công trình giữa bên A và bên B. + Biên bản giao nhận hồ sơ thanh toán giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu⁽¹⁾. <p>- Lần 2: 98% giá trị quyết toán hợp đồng sau khi công trình hoàn thành được các bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định được bên A ký duyệt và bảo lãnh bảo hành tương ứng 5% giá trị quyết toán hợp đồng. Bảo lãnh tiền bảo hành phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (Với hình thức bảo lãnh đồng ý vô điều kiện, không huỷ ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu) và có hiệu lực cho đến khi hết thời gian bảo hành 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp bên B không cung cấp bảo lãnh bảo hành theo quy định thì bên A thanh toán 93% giá trị quyết toán hợp đồng, giữ lại 5% giá trị quyết toán hợp đồng để bảo hành, số tiền này sẽ thanh toán sau khi công trình hết thời gian bảo hành. + Chủ đầu tư giữ lại 2% giá trị quyết toán hợp đồng được sử dụng để giảm trừ quyết toán trong trường hợp khi chủ đầu tư hoặc đơn vị kiểm toán độc lập phát hiện có sự sai lệch giảm giữa khối lượng thực tế và quyết toán; Số tiền này sẽ thanh toán cho nhà thầu khi có Báo cáo kiểm toán độc lập. + Sau khi thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình, trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước (hoặc các cơ quan có thẩm quyền) kiểm tra, xác định được khối lượng và giá trị thanh toán chưa phù hợp với Hồ sơ hoàn công, hợp đồng thì hai bên thống nhất điều chỉnh giảm trừ giá trị quyết toán tương ứng với giá trị mà cơ quan kiểm toán nhà nước (hoặc các cơ quan có thẩm quyền) đã xác định và Nhà thầu phải làm các thủ tục hoàn trả lại cho chủ đầu tư.

	<p>Hồ sơ thanh toán lần 2 gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ khối lượng thuộc phạm vi hợp đồng và khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng. + Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B) được Bên A chấp thuận trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B. + Hoá đơn GTGT do Nhà thầu phát hành; + Đề nghị thanh toán của Nhà thầu + Bảo lãnh bảo hành (nếu có). + Biên bản giao hồ sơ chất lượng công trình giữa bên A và bên B. + Biên bản giao nhận hồ sơ thanh toán giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu⁽¹⁾. <p>- Thời gian thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p> <p>- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản</p> <p>(1) Trường hợp sau khi giao nhận hồ sơ thanh toán, Bên A kiểm tra và làm thủ tục thanh toán nếu chưa phù hợp theo quy định của Hợp đồng thì bên A lập biên bản giao lại hồ sơ cho bên B (chỉ giao lại phần chứng từ chưa đủ điều kiện thanh toán, biên bản giao nhận phải ghi rõ loại chứng từ, lý do chưa đủ điều kiện thanh toán, thời gian giao nhận). Việc bàn giao hồ sơ thanh toán sẽ thực hiện cho đến khi phù hợp theo quy định của hợp đồng. Địa điểm giao nhận hồ sơ thanh toán: giao nhận trực tiếp tại Văn phòng bên A. Thời gian bàn giao hồ sơ thanh toán cho phòng Kế toán bên A là thời gian lập Biên bản bàn giao nhận hồ sơ thanh toán giữa bên A và bên B.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: được phép</p> <p>Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10%
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo quy định của pháp luật hiện hành.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <p>Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là 0,2% giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% Giá trị Hợp đồng</p>

E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 49.3	Thuởng hợp đồng: Không áp dụng.
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: trong vòng 05 ngày làm việc
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp Bản vẽ hoàn công: Khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 3% giá trị hợp đồng
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.